

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày 23/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái

Các Hội thẩm nhân dân:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình N, sinh năm 1993 tại xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 7 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1987; trú tại khu T, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1958; Trú tại: khối 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;

3. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1963;

Cùng trú tại: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Đình N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2017, Nguyễn Đình N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn trắng- đen, biển số 92E1-077.33 đi từ nhà ở thôn T, xã H, huyện Đ đến xã T, huyện P. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang đi trên đường quốc lộ 14B đoạn thuộc thôn Đ, xã N, huyện Đ thì N thấy phía trước có bà Nguyễn Hồng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, biển số 92E1-307.11 đang đi cùng chiều sát lề bên phải đường. Khi N điều khiển xe mô tô vượt lên trước xe

mô tô của bà T thì N thấy trên túi áo khoác phía trên bên trái của bà T để một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model J7 Prime, màu vàng đồng lộ ra ngoài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của bà T bán lấy tiền tiêu xài. N điều khiển xe mô tô 92E1-077.33 chậm lại, đợi đến khi bà T đi ngang hàng với mình, N điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô bà T từ phía bên trái, đồng thời dùng tay phải giật lấy điện thoại nói trên trong túi áo của bà T rồi tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn A. Khi đi được khoảng 100 mét, N chuyển điện thoại giật được từ tay phải sang tay trái rồi bỏ vào túi quần. Lúc đến khu H, thị trấn A thì N rẽ vào đường đất đến ngã ba H. Đ rồi điều khiển xe xuống thị trấn V, thị xã Đ theo quốc lộ 1A vào hướng thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Trên đường đi N tháo sim điện thoại và cởi bỏ áo khoác, N đem điện thoại cướp giật được đến dịch vụ cầm đồ SNOW của bà Huỳnh Thị Bích L (trú khối phố 4, phường A, thành phố T) cầm với số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền trên N đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 36/HĐĐG ngày 08 thàn 8 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận giá trị của chiếc điện thoại Samsung J7 Prime là 4.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung J7 Prime (Cơ quan CSĐT đã trao trả cho chủ sở hữu);

- 01 (một) xe mô tô Sirius màu sơn trắng- đen, số máy 5C64690655, số khung C640CY690654, không có biển số;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đen hiệu Dammtrax.

- 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ sẫm.

Về dân sự: Bà Nguyễn Hồng T đã nhận lại điện thoại di động bị N chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về dân sự, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho N.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 43/CT ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Đình N đã khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại đường quốc lộ 14B đoạn thuộc thôn Đ, xã N, huyện Đ, bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 92E1-077.33 thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại Samsung J7 Prime của bà Nguyễn Hồng T trị giá 4.000.000 đồng đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L trình bày, vào khoảng tháng 2 năm 2012 vợ chồng chúng tôi có dành tiền mua được 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu Siriur, màu sơn trắng- đen, số máy 5c64690655, số khung C640CY690654, biển số 92E1-077.33 làm phương tiện đi lại. Do lúc đó vợ chồng chúng tôi chưa có giấy phép lái xe nên có để cho con ruột là Nguyễn Đình N đứng tên trên đăng ký xe mô tô, xe máy. Chiều ngày 12 tháng 7 năm 2017, vợ chồng chúng tôi không có ở

nhà, N có lấy chiếc xe mô tô biển số 92E1-077.33 đi và thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người đi đường mà vợ chồng chúng tôi không biết, mong các cơ quan chức năng xem xét giải quyết cho vợ chồng chúng tôi lấy chiếc xe về để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đình N về tội “*Cướp giật tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Đình N đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại khoản điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội, tính chất tác hại và hậu quả của vụ án thì thấy:

Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh đối với những ai xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu đó. Bị cáo Nguyễn Đình N nhận thức rõ điều đó, nhưng do bản tính tham lam, muốn hưởng thụ bằng tài sản người khác mà không phải bỏ sức lao động nên đã dẫn bị cáo đi vào con đường phạm tội. Thủ đoạn của bị cáo là điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của người bị hại đang lưu thông trên đường để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Hành vi của bị cáo thực hiện việc phạm tội là rất nghiêm trọng, có tính chất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, mà còn có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại, gây tâm lý hoang mang cho mọi người mỗi khi tham gia giao thông trên đường, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn huyện Đại Lộc. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo là người có nhân thân tốt đã chấp hành xong nghĩa vụ quân sự về sinh sống tại địa phương, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gây thiệt hại tài sản không lớn, bị cáo thực hiện việc phạm tội chỉ là nhất thời, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo tích cực tác động gia đình trả lại đầy đủ số tiền tài sản cướp giật đem cầm cố cho chủ dịch vụ cầm cố. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha ruột bị cáo là ông Nguyễn Đình Q có thời gian tham gia trong quân đội nhân dân Việt Nam, hiện tại mất mờ được cơ quan chức năng chứng nhận là người tàn tật, mẹ ruột là Nguyễn Thị L thường hay đau bệnh, bị cáo có ông bà ngoại ruột là Nguyễn L và Nguyễn Thị K tham gia cách mạng được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình

phạt quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với bà Huỳnh Thị Bích L là chủ dịch vụ cầm đồ, khi cầm cố tài sản do bị cáo phạm tội mà có, bà Loan không biết nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định pháp luật.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại bà Nguyễn Hồng T đã nhận lại chiếc điện thoại di động mà bị cáo N đã chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Huỳnh Thị Bích L đã nhận lại đủ số tiền cầm cố nên không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về xử lý vật chứng:**

Tang vật của vụ án là 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn trắng đen, biển số 92E1-077.33 là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Đình N dùng để phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L (là cha mẹ ruột của bị cáo N) mua vào năm 2012 để sử dụng, tại thời điểm gia đình mua chiếc xe mô tô trên bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nào khác và vợ chồng ông Q, bà L không có giấy phép lái xe nên có để bị cáo N đứng tên sở hữu. Khi bị cáo dùng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội thì ông Q và bà L không biết, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên trả xe mô tô này cho ông Q và bà L để làm phương tiện đi lại cho gia đình là phù hợp.

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đen hiệu Dammtrax và 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ sẫm là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

*** Về án phí:** Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình N **02 (Hai)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13 tháng 7 năm 2017.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đình N các vật chứng sau đây:

+ 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đen hiệu Dammtrax.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ sẫm.

Tuyên trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L (là cha mẹ ruột của bị cáo Nguyễn) vật chứng sau đây:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu sơn trắng- đen, số máy 5C64690655, số khung C640CY690654, không có biển số.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

